**BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2015 VÀ DỰ THẢO QUY CHẾ NĂM 2020**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **QUY CHẾ TĐKT NĂM 2015**  **QUY CHẾ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG 2016** | **DỰ THẢO QUY CHẾ THI ĐUA,**  **KHEN THƯỞNG NĂM 2020** | **DIỄN GIẢI** |
| **QUY CHẾ**  **THI ĐUA, KHEN THƯỞNG HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM**  *(Ban hành kèm theo Quyết định số: 211/QĐ-HLGVN ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam )*  **QUY CHẾ**  **Xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển**  **Hội Luật gia Việt Nam”**  (Ban hành kèm theo Quyết định số: 137/QĐ-HLGVN ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam) | **QUY CHẾ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**  **HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM**  *(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BCHHLGVN ngày .... tháng ..... năm 2020 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam )* | 1. Kỷ niệm chương cũng là một hình thức khen thưởng. Vì vậy, đề nghị gộp 2 Quy chế TĐKT năm 2015 và Quy chế xét tặng kỷ niệm chương năm 2016 làm một.  2. Tên gọi của Quy chế sau khi gộp là: “Quy chế thi đua, khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam”.  3. Quy chế TĐKT năm 2015 do Ban Thường vụ TW Hội ban hành. Tuy nhiên, khoản d Điều 16 Điều lệ HLGVN năm 2020 quy định Ban Chấp hành TW Hội ban hành “Quy chế khen thưởng, kỷ luật”. |
| **Chương I**  **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**  **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Quy chế này quy định về thi đua và danh hiệu thi đua; điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền khen thưởng và trao tặng; thủ tục hồ sơ và quy trình xét khen thưởng; quỹ thi đua khen thưởng; quyền lợi và nghĩa vụ của tập thể, cá nhân được khen thưởng; xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua khen thưởng trong hệ thống tổ chức của Hội Luật gia Việt Nam. | **CHƯƠNG I**  **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**  **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Quy chế này quy định về công tác thi đua, khen thưởng, bao gồm: đối tượng, nguyên tắc thi đua, khen thưởng; nội dung, hình thức tổ chức phong trào thi đua, các danh hiệu thi đua; hình thức và tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định khen thưởng; trình tự thủ tục, hồ sơ khen thưởng và một số quy định liên quan đến công tác thi đua khen thưởng của Hội Luật gia Việt Nam. | Sửa lại diễn đạt |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  Quy chế này được áp dụng đối với tập thể, cá nhân thuộc Trung ương Hội Luật gia Việt Nam, Hội Luật gia các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội Luật gia các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, các Chi hội Luật gia cơ sở và các tập thể, cá nhân khác có đóng góp xứng đáng cho sự phát triển của Hội Luật gia Việt Nam. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  Quy chế này được áp dụng đối với tập thể, cá nhân thuộc Trung ương Hội Luật gia Việt Nam, Hội Luật gia các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Hội Luật gia cấp tỉnh), Hội Luật gia các huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là Hội Luật gia cấp huyện), các Chi hội Luật gia trực thuộc và các tập thể, cá nhân khác có đóng góp xứng đáng cho sự phát triển của Hội Luật gia Việt Nam. | Viết lại cho phù hợp với Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam năm 2020 (Điều 12. Tổ chức của Hội Luật gia Việt Nam). |
| **Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng**  1. Nguyên tắc thi đua: Tự nguyện, tự giác, công khai, bảo đảm tinh thần đoàn kết, hợp tác, cùng phát triển và bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ đăng ký thi đua và kết quả thực hiện các phong trào thi đua.  2. Nguyên tắc khen thưởng: Dân chủ, công khai, công bằng, kịp thời và chính xác. Thành tích đến đâu, khen thưởng đến đó; thành tích đạt được trong điều kiện, hoàn cảnh khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng rộng thì được xem xét đề nghị khen thưởng ở mức cao hơn; chú trọng khen thưởng cá nhân, tập thể và những người trực tiếp thừa hành nhiệm vụ; bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới. | **Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng**  1. Nguyên tắc thi đua:  a) Tự nguyện, tự giác, công khai;  b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.  2. Nguyên tắc khen thưởng:  a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;  b) Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển Hội Luật gia Việt Nam” được xét tặng một lần, không truy tặng;  c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng;  d) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất (phù hợp với điều kiện của Hội).  3. Đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng.  4. Thành tích đến đâu, khen thưởng đến đó; một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; thành tích đạt được trong điều kiện, hoàn cảnh khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng rộng thì được xem xét đề nghị khen thưởng ở mức cao hơn; chú trọng khen thưởng cá nhân, tập thể và những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ. | - Khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Dự thảo Quy chế TĐKT năm 2020 được viết lại như Điều 6 Luật TĐKT, có sửa diễn đạt cho phù hợp với điều kiện của Hội.  - Khoản 4 được viết trên cơ sở kế thừa khoản 2 Điều 3 Quy chế TĐKT năm 2015, có sửa lại diễn đạt. |
| **Điều 4. Trách nhiệm của các đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng**  1. Trên cơ sở chương trình, kế hoạch, phong trào thi đua do các cơ quan, tổ chức cấp trên phát động, Chủ tịch Hội Luật gia các tỉnh, thành phố, quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Chi hội trưởng các Chi hội, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Trung ương Hội (sau đây gọi chung là Lãnh đạo đơn vị) chủ động phối hợp với các tổ chức đoàn thể cùng cấp tổ chức phát động, triển khai, kiểm tra đôn đốc thực hiện, kịp thời sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; phát hiện, lựa chọn các cá nhân, tập thể có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; phối hợp với các cơ quan thông tin, truyền thông tuyên truyền gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến trên các phương tiện thông tin đại chúng.  2. Lãnh đạo các đơn vị chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Hội Luật gia Việt Nam về toàn bộ công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị mình quản lý.  3. Các báo, tạp chí thuộc Hội Luật gia Việt Nam thường xuyên tuyên truyền công tác thi đua, khen thưởng; nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt, cổ động các phong trào thi đua; phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng.  4. Cụm thi đua tổ chức phát động, theo dõi, đánh giá thi đua các đơn vị trong Cụm nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua; suy tôn những đơn vị thực hiện tốt phong trào thi đua, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao để bình xét danh hiệu “Cờ thi đua của Hội Luật gia Việt Nam” và bình xét đề nghị xét tặng “Bằng khen của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam”. | **Điều 4. Trách nhiệm trong công tác thi đua, khen thưởng**  1. Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng thi đua, khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam phát động, tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi tổ chức của Hội.  2. Người đứng đầu Hội Luật gia các cấp, đơn vị, chi hội luật gia trực thuộc phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi đơn vị mình quản lý. Thực hiện việc sơ kết, tổng kết, xây dựng bảng tiêu chí chấm điểm thi đua để làm căn cứ xét duyệt khen thưởng và đề nghị khen thưởng bảo đảm đúng quy định của pháp luật.  3. Cụm trưởng các Cụm thi đua phát động, theo dõi, bình xét, đánh giá thi đua của các đơn vị trong Cụm. Xây dựng bảng tiêu chí chấm điểm thi đua để làm căn cứ suy tôn những đơn vị thực hiện tốt phong trào thi đua, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao để bình xét danh hiệu “Cờ thi đua của Hội Luật gia Việt Nam” và hình thức khen thưởng “Bằng khen của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam”.  4. Tuyên truyền, phổ biến nhân rộng điển hình tiên tiến  Ban Thường trực Trung ương Hội Luật gia Việt Nam, Người đứng đầu Hội Luật gia các cấp, đơn vị, chi hội luật gia trực thuộc hàng năm có trách nhiệm tổ chức triển khai những nội dung sau:  - Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh; chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng.  - Xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền nhân rộng những điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng kịp thời.  - Các tạp chí, Trang thông tin điện tử thuộc Hội Luật gia Việt Nam thường xuyên tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng  5. Kiểm tra, bồi dưỡng nghiệp vụ  Hàng năm, Hội đồng thi đua, khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam tham mưu cho Ban Thường trực Trung ương Hội xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác thi đua, khen thưởng của Hội Luật gia cấp tỉnh; đơn vị, chi hội luật gia trực thuộc Trung ương Hội. Đồng thời, xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra việc phát động phong trào thi đua và thực hiện chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng. | - Điều 4 Dự thảo Quy chế TĐKT năm 2020 được bổ sung thêm nội dung Phát động phong trào thi đua tại Điều 7 Quy chế TĐKT năm 2015 và thêm nội dung kiểm tra, bồi dưỡng nghiệp vụ.  - Trên thực tế các Cụm trưởng đã thực hiện những công tác này theo Quyết định phân cụm thi đua đã ban hành.  - Khoản 4 được bổ sung theo Điều 12 và Điều 13 Luật TĐKT, đồng thời được viết phù hợp với Hội:  + “Điều 12 Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của minh có trách nhiệm:  1. Tuyên truyền, động viên các thành viên của minh tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên nhân dân thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng”.  + “Điều 13 Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt, cổ động phong trào thi đua, khen thưởng”.  Bổ sung khoản 5 căn cứ quy định tại Chương V của Nghị định 91 |
| **Điều 5. Hội đồng thi đua, khen thưởng**  1. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam do Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định thành lập.  2. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Hội Luật gia các cấp do Chủ tịch Hội Luật gia cùng cấp quyết định thành lập.  3. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng của các đơn vị trực thuộc Trung ương Hội Luật gia Việt Nam do Lãnh đạo đơn vị quyết định thành lập.  4. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng:  a) Tổ chức triển khai công tác thi đua, khen thưởng;  b) Tổ chức xét duyệt và đề nghị khen thưởng theo đúng quy định của Nhà nước và quy định của Hội;  c) Tiếp nhận và giải quyết các đơn, thư khiếu nại về thi đua, khen thưởng, kiến nghị hình thức xử lý theo quy định. | **Điều 5. Hội đồng thi đua, khen thưởng**  1. Hội đồng thi đua, khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam là cơ quan tham mưu cho Chủ tịch Hội về công tác thi đua, khen thưởng và do Chủ tịch Hội quyết định thành lập.  Thành phần Hội đồng, gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.  2. Hội đồng thi đua, khen thưởng Hội Luật gia các cấp là cơ quan tham mưu cho Chủ tịch Hội Luật gia cùng cấp về công tác thi đua, khen thưởng và do Chủ tịch Hội Luật gia cùng cấp quyết định thành lập.  3. Hội đồng thi đua, khen thưởng của các đơn vị, chi hội luật gia trực thuộc Trung ương Hội Luật gia Việt Nam do Thủ trưởng đơn vị quyết định thành lập.  4. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thi đua, khen thưởng:  a) Tham mưu cho Chủ tịch Hội Luật gia cùng cấp phát động phong trào thi đua theo thẩm quyền;  b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước.  c) Tham mưu cho Chủ tịch Hội Luật gia cùng cấp kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.  d) Tham mưu cho Chủ tịch Hội Luật gia cùng cấp quyết định khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.  5. Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng tổ chức họp Hội đồng khi có ít nhất 2/3 thành viên tham dự. Chủ tịch Hội đồng chủ trì hội nghị hoặc ủy quyền cho 01 Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì. Chủ tịch Hội đồng thực hiện bỏ phiếu như các thành viên khác. Thường trực Hội đồng xin ý kiến các thành viên vắng mặt bằng văn bản, báo cáo Chủ tịch Hội đồng; hoàn thiện biên bản họp Hội đồng và hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định. | - Viết lại Điều 5 và quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của Hội đồng thi đua khen thưởng.  - Bổ sung khoản 2 quy chế 2015, cụm từ “là cơ quan tham mưu”  - Bổ sung khoản 3 quy chế 2015 “ chi hội luật gia”  - Bỏ điểm c khoản 4 Điều 5 Quy chế TĐKT 2015 vì các văn bản QPPL không quy định chức năng, nhiệm vụ này  - Bổ sung khoản 5 Điều 5 dự thảo Quy chế TĐKT 2020 để phù hợp với khoản 2 Điều 11 Thông tư 12/2019/TT-BNV. |
|  | **Điều 6. Quy định chung về xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng**  1. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào việc đăng ký thi đua và kết quả thực hiện các phong trào thi đua của các tập thể và cá nhân. Những tập thể, cá nhân không đăng ký thi đua sẽ không được xét công nhận danh hiệu thi đua.  2. Xét duyệt khen thưởng và đề nghị khen thưởng:  a) Người đứng đầu Hội Luật gia các cấp, đơn vị, chi hội luật gia trực thuộc căn cứ đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao và thành tích đạt được của tập thể, cá nhân để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các hình thức phù hợp. Việc đánh giá, công nhận mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phạm vi ảnh hưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng do người đứng đầu Hội Luật gia các cấp, đơn vị, chi hội luật gia trực thuộc thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.  Khi xét khen thưởng người đứng đầu và cấp phó của Hội Luật gia các cấp, đơn vị, chi hội luật gia trực thuộc phải căn cứ vào tiêu chuẩn của cá nhân và thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo, quản lý.  b) Chỉ lấy kết quả khen thưởng theo thành tích làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng theo đợt (chuyên đề) được ghi nhận và ưu tiên xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.  c) Khen thưởng nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập vào năm tròn (năm có số cuối là 0), Đại hội nhiệm kỳ chỉ áp dụng đối với Hội Luật gia cấp tỉnh, đơn vị, chi hội luật gia trực thuộc Trung ương Hội:  - Hội Luật gia cấp tỉnh, đơn vị, chi hội luật gia trực thuộc Trung ương Hội có văn bản báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam và xây dựng kế hoạch tổ chức đảm bảo đúng quy định.  - Việc lựa chọn tập thể, cá nhân để đề nghị khen thưởng phải thực sự tiêu biểu, xuất sắc, có nhiều đóng góp vào quá trình xây dựng, phát triển của đơn vị hoặc có nhiều thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị trong nhiệm kỳ.  d) Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho các tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân đảm nhiệm.  Đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất, người đứng đầu Hội Luật gia các cấp, đơn vị, chi hội trực thuộc khen thưởng theo thẩm quyền, trường hợp thành tích tiêu biểu xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc Hội thì đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.  đ, Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng theo quy định. Trong báo cáo phải phải ghi cụ thể số quyết định, ngày, tháng, năm được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền; số quyết định, ngày, tháng, năm được công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.  3. Khi khen thưởng đối với tập thể có tổ chức Đảng, đoàn thể thì tổ chức Đảng, đoàn thể phải được đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.  4. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.  5. Về công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.  - Việc xét, công nhận sáng kiến thực hiện theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.  Việc đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, công nhận thông qua kết quả tham mưu, tư vấn của Hội đồng sáng kiến do Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định thành lập.  Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ quản lý chuyên môn, có năng lực đánh giá, thẩm định các sáng kiến cải tiến hoặc các giải pháp trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.  - Việc xét, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản quy định chi tiết thi hành. Đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền nghiệm thu mức đạt trở lên. Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét khen thưởng là Chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.  Việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học do Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận. | **Đề nghị bổ sung mới Điều** “Quy định chung về xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng”  **Khoản 1** quy định căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 10 Luật TĐKT: đăng ký tham gia thi đua là một căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua.  **Khoản 2, 3, 4** quy định căn cứ Điều 2. Quy định chung về khen thưởng, Thông tư 12/2019/TT-BNV  Khoản 5 quy định căn cứ vào Điều 6 Thông tư 12 |
| **Chương II**  **THI ĐUA VÀ DANH HIỆU THI ĐUA**  **Điều 6. Hình thức tổ chức phong trào thi đua**  *1.* *Thi đua thường xuyên* được tổ chức thực hiện hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm nhằm thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch công tác đề ra.  *2.* *Thi đua theo đợt hoặc thi đua theo chuyên đề* được tổ chức để thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất của tổ chức, đơn vị trong từng giai đoạn hoặc nhằm lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước nói chung và các ngày kỷ niệm của Hội Luật gia Việt Nam nói riêng. | **CHƯƠNG II**  **THI ĐUA VÀ DANH HIỆU THI ĐUA**  **Điều 7. Hình thức tổ chức phong trào thi đua**  1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của Hội Luật gia các cấp, đơn vị, chi hội trực thuộc. Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại Hội Luật gia các cấp, đơn vị, chi hội trực thuộc hoặc cụm thi đua để phát động trong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, Người đứng đầu Hội Luật gia các cấp, đơn vị, chi hội trực thuộc, trưởng các cụm thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.  2. Thi đua theo đợt (chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốtnhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của Hội Luật gia các cấp, đơn vị, chi hội trực thuộc. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã đã xác định rõ thời gian, mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp. | Hình thức tổ chức phong trào thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 4 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ. |
| **Điều 7. Phát động, chỉ đạo phong trào thi đua**  1. Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam phát động, tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi toàn hệ thống tổ chức của Hội.  2. Lãnh đạo các đơn vị phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi đơn vị mình quản lý.  3. Cụm trưởng, Cụm phó các Cụm thi đua phát động, theo dõi, bình xét, đánh giá thi đua của các đơn vị trong Cụm.  4. Đoàn thể các cấp trong hệ thống Hội Luật gia Việt Nam cần phối hợp chặt chẽ với Lãnh đạo đơn vị khi phát động, tổ chức phong trào thi đua, để đảm bảo cho phong trào thi đua đạt hiệu quả cao. |  | Bỏ Điều 7 Quy chế TĐKT năm 2015 vì nội dung của Điều này đã được bổ sung vào Điều 4 Dự thảo Quy chế TĐKT năm 2020. |
| **Điều 8. Nội dung tổ chức phong trào thi đua**  1. Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng và nội dung thi đua;  2. Xác định chỉ tiêu, khẩu hiệu và thời hạn thi đua;  3. Xác định biện pháp tổ chức phong trào thi đua;  4. Phát động, chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua, triển khai các biện pháp vận động, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức triển khai phong trào thi đua;  5. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả của phong trào thi đua; lựa chọn để khen thưởng những cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua;  6. Phát hiện, tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng những điển hình tiên tiến để noi gương học tập. | **Điều 8. Nội dung tổ chức phong trào thi đua**  1. Tổ chức phong trào thi đua gắn với nhiệm vụ chính trị của Hội.  2. Xác định rõ chủ đề, mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung thi đua, chỉ tiêu, thời hạn thi đua và các biện pháp tổ chức phong trào thi đua.  3. Phát động, chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua, triển khai các biện pháp vận động, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức triển khai phong trào thi đua.  4. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả của phong trào thi đua; lựa chọn để khen thưởng những cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua.  5. Phát hiện nhân tố mới, điển hình tiên tiến để tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng. Tăng cường phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay, hiệu quả để mọi người học tập. | - Khoản 1 dự thảo thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ.  - Khoản 2 dự thảo được viết trên cơ sở kết hợp khoản 1, 2, 3 Điều 8 Quy chế TĐKT năm 2015, đồng thời sửa “khẩu hiệu” thành “chủ đề”.  - Giữ nguyên khoản 4, 5 Quy chế 2015 thành khoản 3, 4 dự thảo.  - Tham khảo Điều 5 Thông tư 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ, viết lại khoản 6 Quy chế 2015 thành khoản 5 Dự thảo. |
| **Điều 9. Các danh hiệu thi đua**  1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân:  a) “Lao động tiên tiến”  b) “Chiến sĩ thi đua cơ sở”  c) “Chiến sĩ thi đua Hội Luật gia Việt Nam”  d) “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”  2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể:  a) “Tập thể Lao động tiên tiến”  b) “Tập thể Lao động xuất sắc”  c) “Cờ thi đua của Hội Luật gia Việt Nam”  d) “Cờ thi đua của Chính phủ” | **Điều 9. Các danh hiệu thi đua**  1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân:  a) “Lao động tiên tiến”  b) “Chiến sĩ thi đua cơ sở”  c) “Chiến sĩ thi đua Hội Luật gia Việt Nam”  d) “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”  2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể:  a) “Tập thể Lao động tiên tiến”  b) “Tập thể Lao động xuất sắc”  c) “Cờ thi đua của Hội Luật gia Việt Nam”  d) “Cờ thi đua của Chính phủ”  đ, “Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương” | Cơ bản Giữ nguyên như Quy chế TĐKT 2015  Bổ sung điểm đ khoản 2 “Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương” |
| **CHƯƠNG III**  **ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA**  **Điều 10. Điều kiện xét tặng danh hiệu thi đua thường xuyên**  1. Đăng ký thi đua: các đơn vị tổ chức cho cá nhân, tập thể đăng ký thi đua xác định rõ chỉ tiêu thi đua và danh hiệu thi đua; gửi bản đăng ký thi đua về Hội Luật gia Việt Nam chậm nhất là ngày 31 tháng 01 hàng năm để theo dõi và làm căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua.  2. Điều kiện, tiêu chuẩn và thời gian công tác đối với tập thể và cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua căn cứ theo quy định tại các Điều 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 của Quy chế này.  **Điều 11. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”**  Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:  1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;  2. Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Hội, của đơn vị và địa phương; có tính chủ động, đoàn kết, tích cực tham gia các phong trào thi đua;  3. Có đạo đức và lối sống lành mạnh;  4. Tích cực học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ;  5. Có thời gian làm việc đủ 10 tháng trong một năm (từ 200 ngày trở lên tính theo chế độ làm việc)  Đối tượng nữ nghỉ thai sản theo chế độ quy định của Nhà nước thì thời gian nghỉ vẫn được tính để xem xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.  Cá nhân đi học, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, nếu đạt kết quả từ loại khá trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì kết hợp với thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.  **Điều 12. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”**  Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:  1. Là cá nhân tiêu biểu trong số các cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;  2. Có sáng kiến đổi mới nội dung, phương thức tổ chức hoạt động mang lại hiệu quả thiết thực đối với công tác Hội.  **Điều 13. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Hội Luật gia Việt Nam”**  Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Hội Luật gia Việt Nam” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:  1. Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong số cá nhân có 3 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc bằng khen của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam ngay trước thời điểm đề nghị;  2. Có sáng kiến đổi mới nội dung, phương thức tổ chức hoạt động, có đề tài nghiên cứu mang lại hiệu quả thiết thực, có ảnh hưởng tốt trong phạm vi toàn Hội được Hội đồng thẩm định có thẩm quyền công nhận.  **Điều 14. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”**  Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong số cá nhân có 2 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Hội Luật gia Việt Nam”, thành tích lập được có ảnh hưởng tốt trong phạm vi toàn quốc.  **Điều 15. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”**  Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:  1. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện đúng Điều lệ, quy định của Hội, của cơ quan, đơn vị và của địa phương;  2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch được giao;  3. Tổ chức duy trì phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực và có hiệu quả;  4. Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.  **Điều 16. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”**  Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:  1. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện đúng Điều lệ, quy định của Hội, của cơ quan, đơn vị và của địa phương;  2. Sáng tạo, vượt khó, hoàn thành vượt mức toàn diện các kế hoạch, nhiệm vụ được giao với chất lượng và hiệu quả cao;  3. Tổ chức duy trì phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực và có hiệu quả;  4. Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;  5. Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.  **Điều 17. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Hội Luật gia Việt Nam”**  Danh hiệu “Cờ thi đua của Hội Luật gia Việt Nam” được xét tặng cho Hội Luật gia các tỉnh/thành phố, các đơn vị, Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội đạt các tiêu chuẩn sau:  1. Là tập thể tiêu biểu, xuất sắc của Hội Luật gia Việt Nam, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu và nhiệm vụ đề ra trong năm;  2. Có sáng kiến đổi mới nội dung phương thức tổ chức nâng cao hiệu quả hoạt động để các đơn vị khác trong hệ thống học tập;  3. Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội khác;  4. Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; các quy định, quy chế của Hội, của đơn vị và của địa phương;  5. Tổ chức duy trì phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực và có hiệu quả.  Việc công nhận là tập thể tiêu biểu, xuất sắc để được xét tặng Cờ thi đua của Hội Luật gia Việt Nam phải được thông qua bình xét, đánh giá, so sánh theo các Cụm thi đua.  **Điều 18. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”**  Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:  1. Có thành tích, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc, trong hệ thống tổ chức của Hội Luật gia Việt Nam;  2. Có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập;  3. Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.  Việc công nhận và đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ phải được thông qua bình xét, đánh giá trong số các đơn vị đã được tặng Cờ thi đua của Hội Luật gia Việt Nam trong cùng một năm công tác. | **Đề nghị gộp chương III vào chương II**  - Bỏ Điều 10 Quy chế năm 2015 vì khoản 2 Điều 6 Dự thảo Quy chế TĐKT năm 2020 đã quy định việc xét tặng danh hiệu thi đua phải căn cứ vào đăng ký thi đua.  - Đối với tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua, để đảm bảo tính kế thừa, Tổ soạn thảo đề xuất quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng từng danh hiệu thi đua như Quy chế năm 2015 và bổ sung các quy định mới theo quy định hiện hành.  **Điều 10. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”**  Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:  1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;  2. Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Hội, đơn vị và địa phương; có tinh thần chủ động, đoàn kết, tích cực tham gia các phong trào thi đua;  3. Có đạo đức và lối sống lành mạnh;  4. Tích cực học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ;  5. Có thời gian làm việc đủ 10 tháng trong một năm.  Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ khá trở lên thì được tính để xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.  Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” .  **Điều 11. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”**  1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:  a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”;  b) Có sáng kiến để tăng hiệu quả công tác được người đứng đầu cơ quan, đơn vị công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hiệu quả tại cơ quan, đơn vị.  2. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiên” của cơ quan, đơn vị.  **Điều 12. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Hội Luật gia Việt Nam”**  Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Hội Luật gia Việt Nam” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:  1. Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong số cá nhân có 3 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;  2. Có sáng kiến đổi mới nội dung, phương thức tổ chức hoạt động, có đề tài nghiên cứu mang lại hiệu quả thiết thực, có ảnh hưởng tốt trong phạm vi toàn Hội được Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam công nhận.  **Điều 13. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”**  Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét, đề nghị tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Hội Luật gia Việt Nam”. thành tích lập được có ảnh hưởng tốt trong phạm vi toàn quốc.  **Điều 14. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”**  Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:  1. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện đúng Điều lệ, quy định của Hội, của cơ quan, đơn vị và của địa phương;  2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch được giao;  3. Tổ chức duy trì phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực và có hiệu quả;  4. Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.  **Điều 15. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”**  Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:  1. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện đúng Điều lệ, quy định của Hội, của cơ quan, đơn vị và của địa phương;  2. Sáng tạo, vượt khó, hoàn thành vượt mức toàn diện các kế hoạch, nhiệm vụ được giao với chất lượng và hiệu quả cao;  3. Tổ chức duy trì phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực và có hiệu quả;  4. Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;  5. Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.  **Điều 16. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Hội Luật gia Việt Nam”**  Danh hiệu “Cờ thi đua của Hội Luật gia Việt Nam” được xét tặng cho Hội Luật gia cấp tỉnh; đơn vị, chi hội luật gia trực thuộc Trung ương Hội; văn phòng, các ban thuộc cơ quan Trung ương Hội Luật gia Việt Nam đạt các tiêu chuẩn sau đây:  1. Là tập thể tiêu biểu, xuất sắc, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu và nhiệm vụ đề ra trong năm;  2. Được đánh giá, bình xét, suy tôn là đơn vị xuất sắc, tiêu biểu dẫn đầu cụm thi đua hàng năm;  3. Có sáng kiến đổi mới nội dung phương thức tổ chức nâng cao hiệu quả hoạt động để các đơn vị khác trong hệ thống học tập; Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức và duy trì tốt phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật;  4. Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các quy định, quy chế của Hội, của đơn vị và của địa phương.;  5. Tổ chức duy trì phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực và có hiệu quả.  **Điều 17. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”**  Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho các tập thể sau:  1. Hội Luật gia Việt Nam dẫn đầu các khối, cụm thi đua do Hội đồng thi đua, khen thưởng trung ương tổ chức  2. Là tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu trong số các tập thể đạt tiêu chuẩn “Cờ thi đua của Hội Luật gia Việt Nam”. Số lượng tập thể được xét, đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng “Cờ thi đua của Hội Luật gia Việt Nam”.  3. Tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá, bình xét, suy tôn khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên. | Vấn đề điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua là một nội dung của thi đua và danh hiệu thi đua nên có thể ghép vào Chương II - Thi đua và danh hiệu thi đua mà không cần tách thành chương riêng, tên Chương II nên giữa nguyên là **Thi đua và danh hiệu thi đua** cho khái quát.  - Khoản 1,3,4 giữ như Quy chế 2015.  - Khoản 2 sửa cách diễn đạt.  - Khoản 5:  + Sửa “cá nhân đi học” thành “cá nhân được cử tham gia đào tạo”.  + Bổ sung quy định đối với cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên (cập nhật quy định của pháp luật).  - Điểm b khoản 1 được viết lại, làm rõ khái niệm sáng kiến, đề tài khoa học.  - Khoản 2 bổ sung tỷ lệ công nhận “Chiến sĩ thi đua cơ sở” theo quy định Nghị định 91/2017/NĐ-CP.  - Khoản 1: bỏ đoạn “hoặc bằng khen của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam ngay trước thời điểm đề nghị” vì luật không quy định.  - Khoản 2: sửa “được Hội đồng thẩm định có thẩm quyền công nhận” thành “được Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam công nhận” cho phù hợp với Hội.  Bổ sung từ **“đề nghị”** sau từ “được xét”  Giữ nguyên như quy chế cũ  Giữ nguyên như quy chế cũ  - Bổ sung đối tượng “văn phòng, các ban thuộc cơ quan Trung ương Hội Luật gia Việt Nam” được xét tặng Cờ thi đua của Hội Luật gia Việt Nam  - Khoản 1 bỏ cụm từ “của Hội Luật gia Việt Nam”  - Bổ sung khoản 2 để thay cho quy định “Việc công nhận là tập thể tiêu biểu, xuất sắc để được xét tặng Cờ thi đua của Hội Luật gia Việt Nam phải được thông qua bình xét, đánh giá, so sánh theo các Cụm thi đua” ở cuối Điều 17 Quy chế cũ  Sửa đổi theo quy định của Điều 11 Nghị định 91 |
| **Chương IV**  **HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG** | **Chương III**  **HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG**  **Điều 18. Các hình thức khen thưởng**  1. Các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Hội Luật gia Việt Nam  a, Giấy khencủa Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh, thành phố và Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Trung ương Hội;  b, Bằng khen của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam;  c, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển Hội Luật gia Việt Nam”.  2. Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước  a, Huân chương gồm: “Huân chương Sao; vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; “Huân chương Lao động” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; “Huân chương Dũng cảm”, “Huân chương Hữu nghị”  b, Huy chương Hữu nghị  c, Danh hiệu “Anh hùng Lao động”;  d, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”;  đ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.  3. Các hình thức khen thưởng khác của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và địa phương. | **Bổ sung mới** Điều về Các hình thức khen thưởng vì ở Chương II Thi đua và danh hiệu thi đua đã có Điều 9 liệt kê các danh hiệu thi đua.  Điều này liệt kê các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Hội Luật gia Việt Nam và các hình thức khen thưởng do Hội đề nghị cấp trên và các bộ, ban, ngành, đoàn thể khen thưởng (đưa nội dung Khoản 1 Điều 22 Quy chế cũ lên đây) |
| **Điều 19. Giấy khen của Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh, thành phố và Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Trung ương Hội**  1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau :  a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân, hội viên;  b) Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy chế, quy định của đơn vị;  c) Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.  2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:  a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ;  b) Nội bộ đoàn kết, duy trì thường xuyên và tổ chức tốt các phong trào thi đua;  c) Trong tập thể không để xẩy ra các vụ việc gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của đơn vị, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể, thực hành tiết kiệm. Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với cán bộ và hội viên trong tập thể.  3. Giấy khen của Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh, thành phố  Căn cứ vào tình hình thực tế của từng đơn vị, Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh, thành phố quy định việc tặng Giấy khen cho tập thể, cá nhân thuộc đơn vị quản lý. Đối tượng và tiêu chuẩn do Ban Thường vụ Hội Luật gia cấp tỉnh, thành phố quy định phù hợp với pháp luật về thi đua, khen thưởng, Quy chế thi đua, khen thưởng của Hội Luật gia Việt Nam. | **Điều 19. Giấy khen của Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh, thành phố và Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Trung ương Hội**  1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau :  a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân, hội viên;  b) Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy chế, quy định của đơn vị;  c) Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.  2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:  a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ;  b) Nội bộ đoàn kết, duy trì thường xuyên và tổ chức tốt các phong trào thi đua;  c) Trong tập thể không để xảy ra các vụ việc gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của đơn vị, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể, thực hành tiết kiệm. Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với cán bộ và hội viên trong tập thể.  3. Giấy khen của Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh, thành phố  Căn cứ vào tình hình thực tế của từng đơn vị, Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh, thành phố quy định việc tặng Giấy khen cho tập thể, cá nhân thuộc đơn vị quản lý. Đối tượng và tiêu chuẩn do Ban Thường vụ Hội Luật gia cấp tỉnh, thành phố quy định phù hợp với pháp luật về thi đua, khen thưởng, Quy chế thi đua, khen thưởng của Hội Luật gia Việt Nam. | Cơ bản giữ nguyên như quy chế cũ |
| **Điều 20. Bằng khen của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam**  Bằng khen để tặng cho cá nhân, tập thể lập được thành tích thường xuyên hoặc đột xuất.  1. Bằng khen để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:  a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt 2 lần liên tục danh hiệu “chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc Giấy khen của Thủ trưởng đơn vị hoặc những cá nhân lập được thành tích xuất sắc được bình xét trong các đợt thi đua theo đợt, theo chuyên đề do đơn vị, tổ chức Hội các cấp phát động,  b) Tích cực học tập nâng cao trình độ về chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt tình, tự giác trong thực hiện nhiệm vụ được giao;  c) Có tinh thần đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật, các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng; nêu cao tinh thần tiết kiệm và bảo vệ tài sản công.  2. Bằng khen để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:  2.1. Hội Luật gia các cấp  a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt 2 lần liên tục danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc Giấy khen của Chủ tịch Hội Luật gia cấp tỉnh, thành phố hoặc những tập thể lập được thành tích xuất sắc được bình xét trong các đợt thi đua theo đợt, thi đua theo chuyên đề do Hội Luật gia các cấp phát động;  b) Tổ chức, duy trì thường xuyên và tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua; tổ chức đảng, đoàn thể được công nhận trong sạch vững mạnh;  c) Nội bộ đoàn kết nhất trí, không để xảy ra các vụ việc gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Hội Luật gia Việt Nam; giải quyết kịp thời, dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công nhân viên, hội viên trong tập thể.  2.2. Đơn vị trực thuộc Trung ương Hội Luật gia Việt Nam  a) Có thời gian hoạt động tối thiểu 03 năm kể từ khi thành lập;  b) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt 2 lần liên tục danh hiệu tập thể lao động xuất sắc hoặc Giấy khen của Thủ trưởng đơn vị hoặc những tập thể lập được thành tích xuất sắc được bình xét trong các đợt thi đua theo đợt, thi đua theo chuyên đề do Lãnh đạo đơn vị phát động;  c) Tổ chức, duy trì thường xuyên và tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua; tổ chức đảng, đoàn thể được công nhận trong sạch vững mạnh;  d) Nội bộ đoàn kết nhất trí, không để xảy ra các vụ việc gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của đơn vị, của Hội Luật gia Việt Nam; giải quyết kịp thời, dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công nhân viên và hội viên trong tập thể. | **Điều 20.** **Bằng khen của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam**  1. Bằng khen của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:  a, Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội Luật gia Việt Nam phát động;  b, Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực công tác của Hội;  c, Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.  2.Bằng khen của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:  a, Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội Luật gia Việt Nam phát động;  b, Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực công tác của Hội;  c, Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật. | **Sửa đổi** cho phù hợp với quy định tại Điều 39 NĐ 91 |
| **Điều 21. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển Hội Luật gia Việt Nam”**  Kỷ niệm chương là hình thức khen thưởng cao quý của Hội Luật gia Việt Nam ghi nhận công lao đóng góp của các cá nhân cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Hội Luật gia Việt Nam  Điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ và thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển Hội Luật gia Việt Nam” thực hiện theo Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương do Ban Thường vụ Trung ương Hội Luật gia Việt Nam ban hành. |  | Điều 21 Quy chế 2015 chuyển sang “Chương Kỷ niệm chương” |
| **Điều 22. Các hình thức khen thưởng do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam trình cấp trên khen thưởng hoặc hiệp thương đề nghị cấp trên khen thưởng**  1. Các hình thức khen thưởng:  1.1 Huân chương:  a) “Huân chương Sao vàng”  b) “Huân chương Hồ Chí Minh”  c) “Huân chương Độc lập “hạng nhất, hạng nhì, hạng ba  d) “Huân chương Lao động” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba  e) “Huân chương Dũng cảm”;  f)  “Huân chương Hữu Nghị”;  1.2 Huy chương:  a. “Huy chương Hữu Nghị”  1.3 Danh hiệu vinh dự Nhà nước:  Danh hiệu “Anh hùng lao động”;  1.4 “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”.  1.5 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ  1.6 Bằng khen của Mặt trận tổ quốc Việt Nam; Bằng khen của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.  2. Tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Danh hiệu vinh dự Nhà nước và Giải thưởngthực hiện theo các quy định tại Chương III Luật Thi đua, Khen thưởng; Chương III Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ, Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ, hướng dẫn của Ban Thi đua, Khen thưởng Trung ương và các văn bản của Nhà nước có liên quan.  3. Tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng Bằng khen của Mặt trận tổ quốc Việt Nam; Bằng khen của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam thực hiện theo quy định của các tổ chức này. | **Điều 21. Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương**  1. Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước  Thực hiện theo quy định tại Chương III Luật Thi đua, khen thưởng và Chương III Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ, Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ.  2. Các hình thức khen thưởng của Bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương thực hiện theo quy định của Bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương. | **Đổi tên Điều 22 quy chế 2015 vì quy định về tuyến trình và hiệp y khen thưởng sẽ có điều riêng quy định**  - Khoản 1 quy chế 2015 đã được chuyển lên quy định tại khoản 2 Điều 19a  - Khoản 2 quy chế 2015 thành khoản 1 được sửa đổi dẫn chiếu cho phù hợp với quy định hiện hành  - Khoản 3 quy chế 2015 trở thành khoản 2 và bổ sung hình thức khen thưởng của Bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương trong đó đã bao gồm cả Bằng khen của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. |
| **QUY CHẾ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG**  (Ban hành kèm theo Quyết định số: 137/QĐ-HLGVN ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam)  **Điều 2. Nguyên tắc xét tặng Kỷ niệm chương**  1. Kỷ niệm chương được **xét** tặng một lần, không truy tặng.  2. Việc xét tặng Kỷ niệm chương phải thực hiện đúng pháp luật, đúng đối tượng, tiêu chuẩn, thủ tục theo quy định tại Quy chế này, bảo đảm dân chủ, công khai, công bằng, kịp thời | **CHƯƠNG IV**  **KỶ NIỆM CHƯƠNG**  **“VÌ SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM”**  **Điều 22. Kỷ niệm chương**  1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển Hội Luật gia Việt Nam” là hình thức khen thưởng cao quý của Hội Luật gia Việt Nam ghi nhận công lao đóng góp của các cá nhân cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Hội Luật gia Việt Nam.  2. Kỷ niệm chương được xét tặng một lần cho cá nhân, không truy tặng. Việc xét tặng Kỷ niệm chương được tiến hành hàng năm vào dịp kỷ niệm Ngày truyền thống của Hội Luật gia Việt Nam (04/4) hoặc xét tặng đột xuất theo quyết định của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam. | - Bổ sung Điều mới có tên là “Kỷ niệm chương”, khoản 1 là định nghĩa về Kỷ niệm chương, khoản 2 là quy định chung về xét tặng Kỷ niệm chương  - Bỏ khoản 2 Quy chế cũ vì đã được quy định tại khoản 2 Điều 2 “nguyên tắc khen thưởng” của dự thảo 2020 |
| **Điều 3. Đối tượng**  1. Cá nhân là cán bộ, hội viên, nhân viên đã và đang công tác, sinh hoạttrong hệ thống Hội Luật gia Việt Nam.  2. Cá nhân không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này có nhiều công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Hội Luật gia Việt Nam.  3. Cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đã có nhiều công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Hội Luật gia Việt Nam.  4. Một số trường hợp khác do Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định.  5. Những cá nhân bị kỷ luật buộc thôi việc, khai trừ Đảng hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự không được xét tặng Kỷ niệm chương. | **Điều 23. Đối tượng được xét tặng Kỷ niệm chương**  1. Cá nhân là cán bộ, hội viên, nhân viên đã và đang công tác, sinh hoạt trong hệ thống Hội Luật gia Việt Nam.  2. Cá nhân không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này có nhiều công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Hội Luật gia Việt Nam.  3. Cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đã có nhiều công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Hội Luật gia Việt Nam.  4. Một số trường hợp khác do Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định.  5. Những cá nhân bị kỷ luật buộc thôi việc, khai trừ Đảng hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự không được xét tặng Kỷ niệm chương. | Tên Điều 3 Quy chế cũ bổ sung thành “Đối tượng được xét tặng Kỷ niệm chương” để không bị nhầm lẫn với Điều 2 của dự thảo Quy chế 2020  Nội dung giữ như Điều 3 quy chế cũ |
| **Điều 4. Tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương đối với cán bộ, hội viên, nhân viên thuộc hệ thống Hội Luật gia Việt Nam**  1. Có nhiều thành tích trong việc củng cố, phát triển tổ chức, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Hội Luật gia Việt Nam.  2. Thời gian công tác:  a. Cá nhân là hội viên, nhân viên có thời gian là hội viên, nhân viên từ đủ 15 năm trở lên.  b. Cá nhân là cán bộ chuyên trách công tác Hội, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Luật gia tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội có thời gian công tác từ đủ 10 năm trở lên.  c. Cá nhân là Phó Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chi hội phó Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội có thời gian công tác hội từ đủ 07 năm trở lên.  d. Cá nhân là Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, Trưởng Ban kiểm tra, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội, Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chi hội trưởng Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội có thời gian công tác hội từ đủ 05 năm trở lên.  e. Trường hợp khác do Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định. | **Điều 24. Điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương đối với cán bộ, hội viên, nhân viên thuộc hệ thống Hội Luật gia Việt Nam**  1. Có nhiều thành tích trong việc củng cố, phát triển tổ chức, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Hội Luật gia Việt Nam.  2. Thời gian công tác:  a. Cá nhân là hội viên, nhân viên có thời gian là hội viên, nhân viên từ đủ 15 năm trở lên.  b. Cá nhân là cán bộ chuyên trách công tác Hội, Ủy viên Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Hội Luật gia cấp tỉnh, Ủy viên Ban Chấp hành Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội có thời gian công tác từ đủ 10 năm trở lên.  *c. Cá nhân là Ủy viên Ban chấp hành Hội Luật gia cấp huyện có thời gian công tác từ đủ 12 năm trở lên.*  d. Cá nhân là Phó Chủ tịch Hội Luật gia cấp tỉnh, Chi hội phó Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội có thời gian công tác hội từ đủ 07 năm trở lên.  e. Cá nhân là Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, Trưởng Ban kiểm tra, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội, Chủ tịch Hội Luật gia cấp tỉnh, Chi hội trưởng Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội có thời gian công tác hội từ đủ 05 năm trở lên.  f. Trường hợp khác do Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định. | **Bổ sung thêm 1 điểm vào khoản 2 Quy chế cũ** để mở rộng thêm quy định xét kỷ niệm đối với Ủy viên BCH Hội Luật gia cấp huyện **“** *Cá nhân là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Luật gia cấp huyện có thời gian công tác từ đủ 12 năm trở lên”* |
| **Điều 5. Tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân không thuộc hệ thống Hội Luật gia Việt Nam**  Cá nhân quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 3 Quy chế này đạt một trong các tiêu chuẩn sau:  1. Có công lao trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, góp phần xây dựng, phát triển tổ chức và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động của Hội Luật gia Việt Nam.  2. Có công lao trong việc xây dựng và củng cố mối quan hệ giữa Hội Luật gia Việt Nam với các nước, các tổ chức trong nướcvà quốc tế, góp phần xây dựng và phát triển Hội Luật gia Việt Nam.  3. Có sự ủng hộ, giúp đỡ xứng đáng về vật chất và tinh thần, góp phần xây dựng và phát triển Hội Luật gia Việt Nam. | **Điều 25. Điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân không thuộc hệ thống Hội Luật gia Việt Nam**  Cá nhân quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 23 Quy chế này đạt một trong các tiêu chuẩn sau:  1. Có công lao trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, góp phần xây dựng, phát triển tổ chức và đẩy mạnh hoạt động của Hội Luật gia Việt Nam.  2. Có công lao trong việc xây dựng và củng cố mối quan hệ giữa Hội Luật gia Việt Nam với các nước, các tổ chức trong nướcvà quốc tế, góp phần xây dựng và phát triển Hội Luật gia Việt Nam.  3. Có sự ủng hộ, giúp đỡ xứng đáng về vật chất và tinh thần, góp phần xây dựng và phát triển Hội Luật gia Việt Nam. | Nội dung cơ bản giữ nguyên như quy chế cũ,  bỏ từ “mọi mặt” tại khoản 1 so với Quy chế cũ vì quy định như vậy phạm vi ảnh hưởng rộng, khó áp dụng. |
| **Điều 6. Quyền lợi của cá nhân được tặng Kỷ niệm chương**  1. Được tặng Kỷ niệm chương và Giấy chứng nhận Kỷ niệm chương của Hội Luật gia Việt Nam.  2. Được đơn vị đề nghị tặng Kỷ niệm chương thưởng tiền hoặc hiện vật (nếu có).  3. Được sử dụng Kỷ niệm chương vào mục đích tuyên truyền, giáo dục về truyền thống của Hội Luật gia Việt Nam, góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của hội viên đối với sự nghiệp phát triển Hội Luât gia Việt Nam. | **Điều 26. Quyền lợi của cá nhân được tặng Kỷ niệm chương**  1. Được tặng Kỷ niệm chương và Giấy chứng nhận Kỷ niệm chương của Hội Luật gia Việt Nam.  2. Được đơn vị đề nghị tặng Kỷ niệm chương thưởng tiền hoặc hiện vật (nếu có).  3. Được sử dụng Kỷ niệm chương vào mục đích tuyên truyền, giáo dục về truyền thống của Hội Luật gia Việt Nam, góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của hội viên đối với sự nghiệp phát triển Hội Luât gia Việt Nam. | Giữ nguyên như quy chế cũ |
| **Điều 7.** Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương đối với cán bộ, hội viên, nhân viên thuộc hệ thống Hội Luật gia Việt Nam  1. Ở Trung ương:  - Đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Trưởng ban Kiểm tra, Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Hội thì Ban Tổ chức – cán bộ cơ quan Trung ương Hội lập hồ sơ đề nghị Hội đồng Thi đua, khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam xét, trình Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định.  - Đối với Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Hội, cán bộ, hội viên, nhân viên thuộc các đơn vị, tổ chức, Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội Luật gia Việt Nam: căn cứ kết quả xét chọn của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cơ sở, Người đứng đầu các đơn vị, tổ chức, Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội Luật gia Việt Nam lập hồ sơ đề nghị Hội đồng Thi đua, khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam xét, trình Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định.  2. Ở địa phương:  Đối với Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Hội, cán bộ, hội viên, nhân viên thuộc Hội Luật gia tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Căn cứ kết quả xét chọn của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Hội Luật gia cấp tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh, thành phố lập hồ sơ đề nghị Hội đồng Thi đua, khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam xét, trình Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định.  **Điều 8. Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân không thuộc hệ thống Hội Luật gia Việt Nam**  1. Ở Trung ương:  a. Trên cơ sở đề xuất của Người đứng đầu các đơn vị, tổ chức, Chi hội trưởng Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội, Hội đồng Thi đua, khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam lập hồ sơ, trình Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định.  b. Trong trường hợp đặc biệt, Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam lập hồ sơ, trình Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định.  2. Ở địa phương:  Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Hội Luật gia tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh, thành phố lập hồ sơ đề nghị Hội đồng Thi đua, khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam xét, trình Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định. | **Điều 27. Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương đối với cán bộ, hội viên, nhân viên thuộc hệ thống Hội Luật gia Việt Nam**  1. Ở Trung ương:  - Đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Trưởng ban Kiểm tra, Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Hội thì Ban Tổ chức – cán bộ cơ quan Trung ương Hội lập hồ sơ đề nghị Hội đồng Thi đua, khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam xét, trình Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định.  - Đối với Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Hội, cán bộ, hội viên, nhân viên thuộc các đơn vị, tổ chức, Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội Luật gia Việt Nam: căn cứ kết quả xét chọn của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cơ sở, *Người đứng đầu các đơn vị, Chi hội luật gia, Văn phòng và các ban trực thuộc Trung ương Hội* lập hồ sơ đề nghị Hội đồng Thi đua, khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam xét, trình Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định.  2. Ở địa phương:  Đối với Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Hội, cán bộ, hội viên, nhân viên thuộc Hội Luật gia tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Căn cứ kết quả xét chọn của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Hội Luật gia cấp tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh, thành phố lập hồ sơ đề nghị Hội đồng Thi đua, khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam xét, trình Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định.  **Điều 28. Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân không thuộc hệ thống Hội Luật gia Việt Nam**  1. Ở Trung ương:  a. Trên cơ sở đề xuất của *Người đứng đầu các đơn vị, Chi hội luật gia, Văn phòng và các ban trực thuộc Trung ương Hội*, Hội đồng Thi đua, khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam lập hồ sơ, trình Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định.  b. Trong trường hợp đặc biệt, Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam lập hồ sơ, trình Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định.  2. Ở địa phương:  Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Hội Luật gia tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh, thành phố lập hồ sơ đề nghị Hội đồng Thi đua, khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam xét, trình Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định. | Giữ nguyên như quy chế cũ  Khoản 1 Điều 7, Điều 8 quy chế 2015 thay từ “tổ chức” bằng “Văn phòng và các ban chuyên môn”. Viết lại là “Người đứng đầu các đơn vị, Chi hội luật gia, Văn phòng và các ban trực thuộc Trung ương Hội ” |
| **Điều 9. Hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thời gian nộp hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương**  1. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương gồm:  a) Tờ trình đề nghị tặng Kỷ niệm chương của tổ chức Hội, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội (theo Mẫu số 1);  b) Danh sách trích ngang của cá nhân được đề nghị tặng Kỷ niệm chương (theo Mẫu số 2);  c) Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân được đề nghị tặng Kỷ niệm chương (theo Mẫu số 3).  2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương: Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam.  3. Thời gian nộp hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương: Trước ngày 4 tháng 3 hàng năm, trừ các trường hợp xét tặng đột xuất theo quyết định của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam. | **Điều 29. Hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thời gian nộp hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương**  1. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương gồm:  a) Tờ trình đề nghị tặng Kỷ niệm chương của *Hội Luật gia tỉnh, thành phố, đơn vị, chi hội luật gia trực thuộc Trung ương Hội* (theo Mẫu số 1);  b) Danh sách trích ngang của cá nhân được đề nghị tặng Kỷ niệm chương (theo Mẫu số 2);  c) Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân được đề nghị tặng Kỷ niệm chương (theo Mẫu số 3).  2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương: Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam.  3. Thời gian nộp hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương: Trước ngày 4 tháng 3 hàng năm, trừ các trường hợp xét tặng đột xuất theo quyết định của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam. | Điểm a khoản 1 thay cụm từ “tổ chức Hội, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội” bằng “Hội Luật gia tỉnh, thành phố, đơn vị, chi hội luật gia trực thuộc Trung ương Hội” |
| **Điều 10. Trao tặng Kỷ niệm chương**  Việc trao tặng Kỷ niệm chương được tổ chức trang trọng, kịp thời, thiết thực và tiết kiệm |  | **Chuyển Điều 10 sang quy định tại chương Thẩm quyền quyết định khen thưởng và trao tặng** |
| **Chương V**  **THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG VÀ TRAO TẶNG**  **Điều 23. Thẩm quyền quyết định**  1. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” và “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” thực hiện theo quy định tại Điều 77 và Điều 78 Luật Thi đua, khen thưởng.  2. Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định tặng:  a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Hội Luật gia Việt Nam”;  b) Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”;  c) “Cờ thi đua của Hội Luật gia Việt Nam”;  d) Bằng khen cho tập thể, cá nhân;  e) Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển Hội Luật gia Việt Nam”.  3. Chủ tịch Hội Luật gia các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định tặng:  a) Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”;  b) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”;  c) Giấy khen cho tập thể, cá nhân;  4. Lãnh đạo đơn vị trực thuộc Trung ương Hội Luật gia Việt Nam quyết định tặng:  a) Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”;  b) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”;  c) Giấy khen cho tập thể, cá nhân; | **CHƯƠNG V**  **THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG VÀ TRAO TẶNG**  **Điều 30. Thẩm quyền quyết định**  1. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” và “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” thực hiện theo quy định tại Điều 77 và Điều 78 Luật Thi đua, khen thưởng.  2. Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam quyết định tặng:  a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Hội Luật gia Việt Nam”;  b) Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”;  c) “Cờ thi đua của Hội Luật gia Việt Nam”;  d) Bằng khen cho tập thể, cá nhân;  đ) Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển Hội Luật gia Việt Nam”.  e, Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với các đơn vị không có tư cách pháp nhân.  3. Chủ tịch Hội Luật gia các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định tặng:  a) Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”;  b) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”;  c) Giấy khen cho tập thể, cá nhân;  4. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Trung ương Hội Luật gia Việt Nam có tư cách pháp nhân quyết định tặng:  a) Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”;  b) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”;  c) Giấy khen cho tập thể, cá nhân; | Cơ bản giữ nguyên như Quy chế 2015.  Điểm e khoản 2 bổ sung quy định đối với đơn vị không có tư cách pháp nhân theo quy định tại Điều 43 Nghị định 91  Khoản 4 sửa thành “Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Trung ương HLGVN có tư cách pháp nhân” |
| **Điều 24. Tổ chức trao tặng, đón nhận**  1. Nghi thức trao tặng Huân chương, Huy chương, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, “Cờ thi đua của Chính phủ” và “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” thực hiện theo quy định tại Nghị định số 154/2004/NĐ-CP ngày 9/8/2004 của Chính phủ về nghi thức Nhà nước trong tổ chức mít tinh, lễ kỷ niệm, trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước, Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.  2. Việc công bố và trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do Lãnh đạo các đơn vị có đối tượng được khen thưởng tổ chức. Việc tổ chức phải trang trọng, bảo đảm hiệu quả, thiết thực, tránh biểu hiện phô trương hình thức, lãng phí. Khi tổ chức cần kết hợp cùng các nội dung khác của cơ quan, đơn vị để tiết kiệm thời gian và chi phí. | **Điều 31. Công bố, trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua**  1. Việc công bố, trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua.  2. Việc công bố và trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do Lãnh đạo các đơn vị có đối tượng được khen thưởng tổ chức. Việc tổ chức phải trang trọng, bảo đảm hiệu quả, thiết thực, tránh biểu hiện phô trương hình thức, lãng phí. Khi tổ chức cần kết hợp cùng các nội dung khác của cơ quan, đơn vị để tiết kiệm thời gian và chi phí. | - Khoản 1 được viết lại theo khoản 1 Điều 44 Nghị định 91/2017/NĐ-CP.  Nghị định số 154/2004/NĐ-CP ngày 09/8/2004 của Chính phủ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/12/2013.  - Khoản 2: Giữ như Quy chế năm 2015. |
| **Chương VI**  **THỦ TỤC, HỒ SƠ VÀ QUY TRÌNH XÉT KHEN THƯỞNG**  **Điều 25. Nguyên tắc trình hồ sơ khen thưởng**  1. Lãnh đạo các đơn vị có trách nhiệm trình cấp trên khen thưởng đối với cá nhân, tập thể thuộc phạm vi quản lý của mình.  2. Cấp nào chủ trì phát động các đợt thi đua thì cấp đó lựa chọn cá nhân, tập thể xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.  3. Hồ sơ khen thưởng của người đang tại chức, là công chức, viên chức của cơ quan Nhà nước có tham gia công tác hội, khi đề nghị khen thưởng theo thẩm quyền quyết định tại Khoản 1, Điều 23, hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi lên cơ quan Nhà nước (Bộ, Ngành hoặc UBND – cơ quan chủ quản đối tượng khen thưởng).  Đối với trường hợp đề nghị khen thưởng theo Khoản 2, Điều 23, hồ sơ gửi về Hội Luật gia Việt Nam.  Đối với trường hợp đề nghị khen thưởng theo Khoản 3, 4, Điều 23, hồ sơ gửi về Hội Luật gia cấp tỉnh/thành phố và đơn vị trực thuộc Trung ương Hội.  4. Hồ sơ người được đề nghị khen thưởng đang công tác chuyên trách hội:  a) Đối với Hội Luật gia tỉnh, thành phố**:** khi đề nghị khen thưởng theo thẩm quyền quyết định tại Khoản 1 Điều 23, thì hồ sơ gửi về UBND tỉnh, thành phố; khi đề nghị khen thưởng theo thẩm quyền quyết định tại Khoản 2, Điều 23 thì hồ sơ gửi về Hội Luật gia Việt Nam.  b) Đối với tổ chức, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội Luật gia Việt Nam**:** khi đề nghị khen thưởng theo thẩm quyền quyết định tại Khoản 1, Điều 23 thì hồ sơ gửi về Hội Luật gia Việt Nam. | **Chương VI**  **THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG**  **Điều 32. Thủ tục trình hồ sơ khen thưởng**  Thủ tục trình hồ sơ khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và một số yêu cầu cụ thể sau:  1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.  2. Hồ sơ khen thưởng của người đang tại chức, là công chức, viên chức của cơ quan Nhà nước có tham gia công tác hội, khi đề nghị khen thưởng theo thẩm quyền quyết định tại Khoản 1, Điều 30, hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi lên cơ quan Nhà nước (Bộ, Ngành hoặc UBND – cơ quan chủ quản đối tượng khen thưởng).  Đối với trường hợp đề nghị khen thưởng theo Khoản 2, Điều 30, hồ sơ gửi về Hội Luật gia Việt Nam.  3. Hồ sơ của tập thể, cá nhân thuộc Hội Luật gia tỉnh, thành phố: khi đề nghị khen thưởng theo thẩm quyền quyết định tại Khoản 1 Điều 30, thì hồ sơ gửi về UBND tỉnh, thành phố; khi đề nghị khen thưởng theo thẩm quyền quyết định tại Khoản 2, Điều 30 thì hồ sơ gửi về Hội Luật gia Việt Nam.  4. Hồ sơ của tập thể, cá nhân thuộc đơn vị trực thuộc Trung ương Hội Luật gia Việt Nam**:** khi đề nghị khen thưởng theo thẩm quyền quyết định tại Khoản 1, Điều 30 thì hồ sơ gửi về Hội Luật gia Việt Nam. | **Sửa lại tên Chương VI quy chế cũ vì chương này quy định cả thủ tục, hồ sơ xét danh hiệu thi đua**  **Sửa tên Điều 25 Quy chế 2015**  Khoản 1, 2 Quy chế cũ được viết lại thành khoản 1 căn cứ theo quy định tại Điều 46 NĐ 91  Nội dung khoản 2, 3, 4 quy chế cũ được viết lại cho phù hợp |
| **Điều 26. Hồ sơ đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Lãnh đạo các đơn vị**  Lãnh đạo các đơn vị căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ, Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ, hướng dẫn của Ban Thi đua, Khen thưởng Trung ương và Quy chế này cụ thể hoá thực hiện trong đơn vị mình.  **Điều 27. Hồ sơ đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam**  1. Đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Hội Luật gia Việt Nam”, “Cờ thi đua của Hội Luật gia Việt Nam” và “Tập thể Lao động xuất sắc” do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam quyết định theo quy định tại Khoản 2, Điều 23 Quy chế này.  *Hồ sơ gồm:*  a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của tổ chức đơn vị kèm danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;  b) Biên bản họp của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng;  c) Bản sao các Quyết định tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến” đã được tặng;  d) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng phải ký và ghi rõ họ tên, có xác nhận của Lãnh đạo đơn vị (ký tên, đóng dấu);  e) Xác nhận sáng kiến đổi mới nội dung phương thức tổ chức hoạt động của Hội đồng khoa học hoặc tập thể lãnh đạo đơn vị.  Nếu đề nghị tặng Cờ thi đua của Hội Luật gia Việt Nam ngoài 05 loại văn bản trên còn có: Tờ trình, Biên bản họp cụm thi đua do Cụm trưởng hoặc Cụm phó ký.  2. Đối với Bằng khen của Hội Luật gia Việt Nam  *Hồ sơ gồm:*  a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của đơn vị kèm danh sách cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng;  b) Biên bản họp của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng;  c) Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng phải ký và ghi rõ họ tên, có xác nhận của Lãnh đạo đơn vị (ký tên, đóng dấu);  d) Bản sao các Quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Giấy khen” của đơn vị; các danh hiệu thi đua, khen thưởng khác (nếu có).  3. Đối với khen thưởng đột xuất:  *Hồ sơ gồm:*  a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của đơn vị kèm theo danh sách cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng;  b) Báo cáo tóm tắt thành tích do đơn vị quản lý trực tiếp lập, ghi rõ hành động, thành tích, công trạng lập được để đề nghị khen thưởng. | **Điều 33. Hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Người đứng đầu Hội Luật gia các cấp, đơn vị, chi hội luật gia trực thuộc**  Người đứng đầu Hội Luật gia các cấp, đơn vị, chi hội luật gia trực thuộc căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ, hướng dẫn của Ban Thi đua, Khen thưởng Trung ương và Quy chế này cụ thể hoá thực hiện trong đơn vị mình.  **Điều 34. Hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam**  1. Đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Hội Luật gia Việt Nam”, “Cờ thi đua của Hội Luật gia Việt Nam” và “Tập thể Lao động xuất sắc” do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam quyết định theo quy định tại Khoản 2, Điều 30 Quy chế này.  *Hồ sơ gồm:*  a, Tờ trình đề nghị khen thưởng của Hội Luật gia cấp tỉnh; đơn vị, chi hội luật gia trực thuộc Trung ương Hội; Văn phòng, các ban thuộc cơ quan Trung ương Hội kèm danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;  b, Biên bản họp của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng;  c) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng phải ký và ghi rõ họ tên, có xác nhận của Lãnh đạo đơn vị (ký tên, đóng dấu);  Đối với trường hợp đề nghị tặng Cờ thi đua của Hội Luật gia Việt Nam ngoài các văn bản trên còn có: Tờ trình, Biên bản họp cụm thi đua do Cụm trưởng hoặc Cụm phó ký.  2. Đối với Bằng khen của Hội Luật gia Việt Nam  *Hồ sơ gồm:*  a, Tờ trình đề nghị khen thưởng của Hội Luật gia cấp tỉnh; đơn vị, chi hội luật gia trực thuộc Trung ương Hội; Văn phòng, các ban thuộc cơ quan Trung ương Hội kèm danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;  b, Biên bản họp bình xét thi đua, khen thưởng của Hội đồng thi đua – khen thưởng đơn vị hoặc tập thể lãnh đạo của cấp trình;  c, Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng phải ký và ghi rõ họ tên, có xác nhận của Lãnh đạo đơn vị (ký tên, đóng dấu);  3. Đối với khen thưởng đột xuất:  *Hồ sơ gồm:*  - Tờ trình đề nghị khen thưởng của đơn vị kèm theo danh sách cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng;  - Báo cáo tóm tắt thành tích do đơn vị quản lý trực tiếp lập, ghi rõ hành động, thành tích, công trạng lập được để đề nghị khen thưởng. | Sửa cụm từ “lãnh đạo các đơn vị” Người đứng đầu Hội Luật gia các cấp, đơn vị, chi hội luật gia trực thuộc”  Sửa lại dẫn chiếu theo quy định hiện hành  **Thay cụm từ** tổ chức, đơn vị bằng “Hội Luật gia cấp tỉnh; đơn vị, chi hội luật gia trực thuộc Trung ương Hội; Văn phòng, các ban thuộc cơ quan Trung ương Hội”  **Bỏ quy định** về bản sao các quyết định khen thưởng, xác nhận sáng kiến vì tại điều quy định chung về xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng đã có quy định Báo cáo thành tích phải ghi cụ thể số quyết định, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành quyết định; số quyết định, ngày, tháng, năm công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học |
| **Điều 28. Hồ sơ đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của các cơ quan nhà nước**  Đối với Huân chương, Huy chương, danh hiệu “Anh hùng lao động”, danh hiệu vinh dự Nhà nước và “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ, Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ, Hướng dẫn của Ban Thi đua, Khen thưởng Trung ương. | **Điều 35. Hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cấp nhà nước**  Đối với Huân chương, Huy chương, danh hiệu “Anh hùng lao động”, danh hiệu vinh dự Nhà nước và “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ, Hướng dẫn của Ban Thi đua, Khen thưởng Trung ương. | **Sửa lại tên điều cho phù hợp**  Sửa lại dẫn chiếu theo quy định hiện hành |
| **Điều 29. Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị khen thưởng**  1**. Hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền khen thưởng của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam**  a. Tiếp nhận hồ sơ:  Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng của các Cụm thi đua, Hội Luật gia các tỉnh/thành phố, các đơn vị, Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội.  b. Giải quyết hồ sơ:  Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đề nghị khen thưởng trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.  c. Thời hạn nộp hồ sơ:  - Khen thưởng thường xuyên: Hồ sơ đề nghị khen thưởng hàng năm gửi về Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.  Hồ sơ đề nghị tặng bằng khen của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam nhân dịp Đại hội nhiệm kỳ, kỷ niệm ngày thành lập của đơn vị thì gửi trước Đại hội, ngày kỷ niệm 30 ngày.  - Khen thưởng đột xuất: Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam ngay sau khi lập được thành tích đột xuất.  2. Lãnh đạo Hội Luật gia các tỉnh/thành phố, các đơn vị, Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội quy định cụ thể về việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền theo quy định. | **Điều 36 Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị khen thưởng**  1. Hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền khen thưởng của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam  a. Tiếp nhận hồ sơ:  Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng của các Cụm thi đua, Hội Luật gia các tỉnh, thành phố, các đơn vị, Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội.  b. Giải quyết hồ sơ:  Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đề nghị khen thưởng trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.  c. Thời hạn nộp hồ sơ:  - Khen thưởng thường xuyên: Hồ sơ đề nghị khen thưởng hàng năm gửi về Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.  Hồ sơ đề nghị tặng bằng khen của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam nhân dịp Đại hội nhiệm kỳ, kỷ niệm ngày thành lập của đơn vị thì gửi trước Đại hội, ngày kỷ niệm 30 ngày.  - Khen thưởng đột xuất: Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam ngay sau khi lập được thành tích đột xuất.  2. Lãnh đạo Hội Luật gia các tỉnh/thành phố, các đơn vị, Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội quy định cụ thể về việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền theo quy định. | Giữ nguyên như quy chế 2015 |
| **Điều 30. Quy trình xét khen thưởng**  1. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng của Hội Luật gia Việt Nam có trách nhiệm thẩm định và xem xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của Luật thi đua khen thưởng và Quy chế này.  2. Đối với những hồ sơ chưa đúng quy định, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng sẽ thông báo và gửi lại đơn vị trình sau khi thẩm định.  3. Lãnh đạo Hội Luật gia các tỉnh/thành phố, đơn vị, Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội quy định quy trình xét khen thưởng cụ thể đối với các hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Thi đua Khen thưởng và Quy chế này. | **Điều 37. Quy trình xét khen thưởng**  1. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng của Hội Luật gia Việt Nam có trách nhiệm thẩm định và xem xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của Luật thi đua khen thưởng và Quy chế này.  2. Đối với những hồ sơ chưa đúng quy định, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng sẽ thông báo và gửi lại đơn vị trình sau khi thẩm định.  3. Lãnh đạo Hội Luật gia các tỉnh/thành phố, đơn vị, Chi hội Luật gia trực thuộc Trung ương Hội quy định quy trình xét khen thưởng cụ thể đối với các hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Thi đua Khen thưởng và Quy chế này. | Giữ nguyên như quy chế 2015 |
|  | **Điều 38. Hiệp y khen thưởng**  Việc hiệp y khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.  Khi có văn bản xin ý kiến của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương về các tập thể, cá nhân thuộc Hội Luật gia cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình khen thưởng cấp nhà nước, trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hội Luật gia Việt Nam có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thực hiện nhiệm vụ công tác Hội của các tập thể và cá nhân. | **Bổ sung mới quy định này** |
| **Chương VII**  **QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**  **Điều 31. Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng**  Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo Khoản 4, Điều 3 Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ, Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ và quy chế chi tiêu nội bộ.  Căn cứ vào nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 3; Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ, Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ, quy chế chi tiêu nội bộ và khả năng tài chính của đơn vị, Lãnh đạo các đơn vị quy định mức trích lập quỹ thi đua, khen thưởng, mức tiền thưởng và mức chi cho các hoạt động thi đua khen thưởng. | **CHƯƠNG VII**  **QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**  **Điều 39. Quỹ thi đua, khen thưởng**  Quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 64 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.  Quỹ thi đua, khen thưởng của các cấp Hội và đơn vị trực thuộc Hội Luật gia Việt Nam được hình thành từ ngân sách nhà nước, nguồn thu hội phí và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước. | **Sửa đổi cho phù hợp với quy định tại NĐ 91** |
| **Điều 32. Quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng**  Lãnh đạo các đơn vị có trách nhiệm quản lý và sử dụng quỹ thi đua khen thưởng theo quy định của Nhà nước, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích. | **Điều 40. Quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng**  1. Lãnh đạo các đơn vị có trách nhiệm quản lý và sử dụng quỹ thi đua khen thưởng theo quy định của Nhà nước, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích.  2. Việc sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và quy định cụ thể sau:  a, Quỹ thi đua, khen thưởng được dùng để chi trong việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua;  b, Chi cho in ấn, làm hiện vật khen thưởng (giấy chứng nhận, bằng khen, kỷ niệm chương, cờ thi đua, hộp, khung);  - Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm cho các cá nhân, tập thể (nếu có);  - Trích quỹ để chi tổ chức sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; tuyên truyền, phổ biến nhân rộng điển hình tiên tiến. | **Tổ soạn thảo xin ý kiến việc có quy định mức chi thưởng:**  **Phương án 1: không quy định**  **Phương án 2: có quy định**  3. Mức chi thưởng  a, Hội Luật gia Việt Nam chi thưởng cho Hội Luật gia cấp tỉnh, đơn vị, chi hội luật gia trực thuộc Trung ương Hội đạt danh hiệu Cờ thi đua hàng năm; mức thưởng do Ban Thường trực Trung ương Hội quyết định.  b, Việc chi thưởng tại các cấp Hội do Ban Thường trực hoặc lãnh đạo đơn vị cùng cấp quyết định.  c, Chủ tịch Hội Luật gia các cấp chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc biên chế, quỹ lương do cấp mình quản lý và hạch toán theo quy định. |
| **Chương VIII**  **QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐƯỢC KHEN THƯỞNG**  **Điều 33. Quyền lợi**  1. Cá nhân được tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được tặng một khoản tiền thưởng hoặc hiện vật theo quy định; có quyền lưu giữ, trưng bày và sử dụng hiện vật khen thưởng; được xem xét nâng lương trước thời hạn; ưu tiên xét cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn ở trong và ngoài nước. Các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng là một căn cứ để đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ hàng năm.  2. Tập thể được tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được tặng một khoản tiền thưởng hoặc hiện vật theo quy định; có quyền lưu giữ, trưng bày và sử dụng biểu tượng của các hình thức khen thưởng trên các văn bản tài liệu chính thức của đơn vị. | **CHƯƠNG VIII**  **QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN,**  **TẬP THỂ**  **Điều 41. Quyền của cá nhân, tập thể trong thi đua khen thưởng**  1. Được tham gia các phong trào thi đua do Nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.  2. Được đề nghị xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật.  3. Có quyền góp ý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể có đủ thành tích vè tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.  4. Đề nghị cấp có thẩm quyền không xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng, thu hồi danh hiệu, hình thức khen thưởng đã tặng hoặc khen thưởng không đúng tiêu chuẩn, thủ tục do pháp luật quy định. | **Sửa lại tên cho phù hợp với Chương VII của NĐ 91**  **Sửa lại theo quy định tại Điều 76 của NĐ 91** |
| **Điều 34. Nghĩa vụ**  Cá nhân, tập thể được các cấp công nhận các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng có nghĩa vụ bảo quản các hiện vật khen thưởng, không được cho người khác mượn để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. | **Điều 42. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể**  1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng.  2. Cá nhân, tập thể được khen thưởng có nghĩa vụ bảo quản các hiện vật khen thưởng, không được cho người khác mượn để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.  3. Từ chối nhận danh hiệu hoặc hình thức khen thưởng không xứng đáng với thành tích và không đúng tiêu chuẩn, thủ tục do pháp luật quy định | **Sửa lại theo quy định tại Điều 77của NĐ 91** |
| **Chương IX**  **XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO**  **Điều 35. Xử lý vi phạm**  Việc xử lý vi phạm trong công tác thi đua khen thưởng được thực hiện theo quy định của pháp luật, quy định của Điều lệ Hội và Quy chế này. | **Chương IX**  **XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO**  **Điều 43. Xử lý vi phạm về công tác thi đua, khen thưởng**  1. Người nào gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng thì bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.  2. Cá nhân xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác để đề nghị khen thưởng; người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để ra quyết định khen thưởng trái pháp luật hoặc trái với Quy chế này thì tùy tính chất mà bị xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam. | **Theo quy định tại Điều 96 Luật thi đua, khen thưởng** |
| **Điều 36. Giải quyết khiếu nại, tố cáo**  Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật, quy định của Điều lệ Hội và Quy chế này. | **Điều 44. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng**  Ban Kiểm tra của Hội Luật gia các cấp có trách nhiệm phối hợp với Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng cùng cấp tiếp nhận, tham mưu giúp Ban Chấp hành giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng theo đúng các quy định của Quy chế này và pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng và khiếu nại, tố cáo. | Quy định chi tiết thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo căn cứ quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 30 Điều lệ Hội nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm tra “xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo đối với tổ chức Hội, hội viên, ....” |
| **Chương X**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**  **Điều 37. Hiệu lực thi hành**  Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2015 và thay thế Quy chế Thi đua, Khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 134/QĐ–HLGVN, ngày 12/11/2012 của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam.  Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc Lãnh đạo các cấp Hội, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội kịp thời phản ánh về Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Hội Luật gia Việt Nam để báo cáo Ban Thường vụ Trung ương Hội xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. | **CHƯƠNG X**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**  **Điều 45. Hiệu lực thi hành**  Quy chế này gồm 10 chương, 45 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định ban hành Quy chế có hiệu lực. |  |